TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2026/HNGĐ-ST
Ngày 17/7/2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bào

Ông Nguyễn Xuân Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND Khu vực 2-Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh M - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc "*Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1980 **(có đơn xin vắng mặt)**
Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
CCCD số: 024180002830

- Bị đơn: Anh Đặng Văn N, sinh năm 1980 **(vắng mặt)**
Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
CMND số: 121336318

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn N kết hôn với nhau vào ngày 07 tháng 8 năm 2001, có tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn chị về gia đình anh N làm dâu ngay, vợ chồng ban đầu sống hạnh phúc. Đến tháng 02 năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay, hai bên không quan tâm gì tới nhau nữa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Đặng Văn N.

- Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung gồm Đặng Thị M1, sinh ngày 28/2/2002 và Đặng Văn T, sinh ngày 27/1/2004. Hiện nay các con đã trưởng thành chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất canh tác, công sức đóng góp: Chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do điều kiện công việc chị có đơn xin vắng mặt khi hoà giải và xét xử

*Bị đơn anh Đặng Văn N đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên anh N không đến Toà án làm việc mà không có lý do, cũng như không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Toà án. Tại phiên toà anh N vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; điểm b khoản 2 -Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H được ly hôn anh Đặng Văn N.

2. Về con chung: Hiện nay các con chung đã trưởng thành chị Dương Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị Dương Thị H không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

4.Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000503 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Dương Thị H đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 19 tháng 01 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị H xin ly hôn anh Đặng Văn N có nơi cư trú tại thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn Chị H có đơn xin vắng mặt, Bị đơn anh Đặng Văn N đã được Toà án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Do vậy hội đồng xét xử tiền hành xát xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên, là phù hợp với quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Đặng Văn N xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã H, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 07/8/2001, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Qua xác minh tại địa phương và căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử, xét thấy chị H và anh N sau khi về chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn

cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, về kinh tế, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến với nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin ly hôn anh N. Bản thân anh N đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên anh N không lên Toà án làm việc cũng như không có ý kiến gì về việc chị H có đơn xin ly hôn. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H được lu hôn với anh Đặng Văn N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Dương Thị H và anh Đặng Văn N có 02 con chung gồm Đặng Thị M1, sinh ngày 28/2/2002 và Đặng Văn T, sinh ngày 27/1/2004. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, chị H không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị Dương Thị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000503 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Dương Thị H đã nộp đủ.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 56; Điều 57 - Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 -Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H được ly hôn Đặng Văn N.

2. Về con chung: Hiện nay các con đã trưởng thành chị Dương Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị Dương Thị H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000503 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Dương Thị H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2-Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Thanh Thuần